

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 186/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2023
“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Là thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 257/2023/ HNGĐ-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã BĐ, huyện B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã BĐ, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Nguyễn Thị P trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau năm 1994, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện B, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/6/2007. Trong thời gian chung sống đến nay hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột gia đình xảy ra không hàn gắn được nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên bà và ông Đ đã ly thân 02 năm nay. Bà xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thu T, sinh năm 1995 hiện đã trưởng thành có gia đình riêng nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có nợ chung.

- *Ông Nguyễn Văn Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Ông xác định về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, nơi kết hôn đúng như bà P trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu

thuần do tính tình không hợp nhau, và bà P có người đàn ông khác, nhưng ông vẫn còn tình cảm và muốn hàn gắn với bà Phượng. Nên nay bà P xin ly hôn ông không thống nhất ly hôn.

-Về con chung: Ông và bà P có 01 con chung tên Nguyễn Thu T, sinh năm 1995 hiện đã trưởng thành nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Ông và bà P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có nợ chung.
Ngoài ra, vì lý do công việc nên ông xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú tại xã BĐ, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện B theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện bà P yêu cầu xin ly hôn với ông Đ, ông Đ không đồng ý. Theo lời trình bày của bà P tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau, và có nhiều mâu thuẫn, bà và ông Đ đã ly thân hơn 02 năm nay. Ông Đ thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là không hợp nhau. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng vợ chồng có thể bỏ qua và sửa đổi để vợ chồng về chung sống với nhau. Nhưng bản thân bà P kiên quyết ly hôn và xác định không còn tình cảm với ông Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa bà P và ông Đ mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện bà P và ông Đ đã ly thân một thời gian dài, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc ai. Dù có tiếp tục hôn nhân thì bà P và ông Đ cũng không có hạnh phúc. Hơn nữa, bà P xác định dù Tòa có bác đơn bà cũng không thể chung sống lại với ông Đ và không còn tình cảm với ông Đ. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của bà P về việc xin ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thu T, sinh năm 1995 hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Đ khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà P phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thu T, sinh năm 1995 hiện đã trưởng thành không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị P phải chịu. Bà P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003827 vào ngày 11/8/2023 được đối trừ, bà P đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Đường sự;
- UBND xã BĐ, huyện B;
- Lưu Hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Kim Cương